

Số: **78** /2019/TT-BQP

Hà Nội, ngày **11** tháng **6** năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định về ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu trong xử lý vi phạm
hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Trường hợp cần thiết áp dụng biểu mẫu khác trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà Thông tư này không quy định thì thực hiện theo quy định của văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính; người có thẩm quyền lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguyên tắc ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu

1. Biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính được ban hành, quản lý và sử dụng thống nhất cho các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Việc sử dụng biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Thông tư này.

3. Không tự ban hành, sử dụng biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính trái với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Biểu mẫu và việc ban hành biểu mẫu

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục về biểu mẫu sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Biểu mẫu sử dụng khổ giấy A4 (210mm x 297mm); Sổ theo dõi xử phạt vi phạm hành chính sử dụng khổ giấy A3 (297mm x 420mm).

3. Biểu mẫu quy định tại Khoản 1 Điều này được ban hành theo hình thức biểu mẫu in và biểu mẫu điện tử.

Điều 5. Quản lý, sử dụng biểu mẫu

1. Vụ Pháp chế tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng theo dõi, kiểm tra việc quản lý, cấp, sử dụng biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này đối với các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền quản lý, lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, xử phạt vi phạm hành chính quản lý biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này; cấp biểu mẫu cho các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc quyền.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính quyết định sử dụng biểu mẫu phù hợp với yêu cầu, nội dung của từng vụ việc.

4. Biểu mẫu khi sử dụng phải dưới dạng biểu mẫu in hoặc biểu mẫu điện tử. Cơ quan, người có thẩm quyền có thể sử dụng biểu mẫu được in sẵn hoặc tự in các biểu mẫu theo quy định.

Điều 6. Ghi biểu mẫu

1. Biểu mẫu phải ghi chính xác, rõ ràng, dễ đọc, viết cùng một loại mực và màu mực, không tẩy xóa, không dùng từ ngữ địa phương; nội dung ghi trong biểu mẫu có thể được viết tay hoặc đánh máy in ra giấy bằng các thiết bị in (có chú thích ghi nội dung tại biểu mẫu).

2. Việc ghi biểu mẫu phải liên tiếp, không được bỏ trống nội dung, có đánh số trang; kết thúc ghi chép, phần còn trống trong văn bản phải gạch chéo.

3. Xử lý quyết định về xử lý vi phạm hành chính bị sai

a) Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 6a Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

b) Việc hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính thực hiện quy định tại Điều 6b Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

c) Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 6c Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

d) Hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành của quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính, văn bản đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 6d Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và thay thế Thông tư số 97/2014/TT-BQP ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 55/QĐ-PTHA), mẫu

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản (Mẫu số 55a/QĐ-PTHA), Biên bản vi phạm hành chính (Mẫu số 64/PTHA) ban hành kèm theo Thông tư số 96/2016/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm tra, biểu mẫu nghiệp vụ về thi hành án dân sự trong Quân đội.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

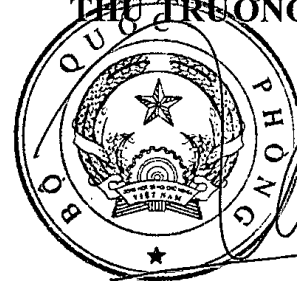
2. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Cảnh sát biển, Chánh án Tòa án quân sự Trung ương, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Quá trình tổ chức thực hiện nếu phát hiện vướng mắc trong sử dụng biểu mẫu, các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế) để xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Thanh tra Bộ Quốc phòng;
- Tòa án quân sự Trung ương;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- BTL Bộ đội Biên phòng;
- BTL Cảnh sát biển;
- Cục Thi hành án/BQP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, VPC; T12

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Chiêm



BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 78/2019/TT-BQP ngày 11/6/2019
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mã số	Tên biểu mẫu
I. MẪU QUYẾT ĐỊNH	
MQĐ01	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản
MQĐ02	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt có lập biên bản
MQĐ03	Quyết định gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ04	Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền
MQĐ05	Quyết định giảm/miễn phần còn lại/toàn bộ tiền phạt vi phạm hành chính
MQĐ06	Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần
MQĐ07	Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập
MQĐ08	Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản
MQĐ09	Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt
MQĐ10	Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ11	Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả
MQĐ12	Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do không xác định được người vi phạm/người vi phạm không đến nhận
MQĐ13	Quyết định tịch thu tang vật vi phạm hành chính (trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính)
MQĐ14	Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính)
MQĐ15	Quyết định tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
MQĐ16	Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản)
MQĐ17	Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính
MQĐ18	Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính
MQĐ19	Quyết định chấm dứt việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính
MQĐ20	Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề